

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
131/3 Đường Nguyễn Thị Diệu, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại.
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty.
- In, tráng verni trên sắt lá.
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá.
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ).
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

Trong 6 tháng đầu năm 2013, hoạt động chính của Công ty là in, tráng verni trên sắt, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 327 người, trong đó số nhân viên quản lý là 25 người (30/06/2012: 353 người).

2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Hữu Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Trần Giang Sơn	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý	Phó Tổng Giám đốc

AFC Vietnam

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



TRỊNH HỮU MINH
Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: 80/2013/BCSX-HCM.00149

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của
Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013 từ trang 4 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0173-2013-009-1

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1042-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150.795.016.952	176.147.163.746
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.160.066.898	5.622.310.872
Tiền	111		3.160.066.898	5.622.310.872
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		46.638.977.557	53.242.568.616
Phải thu khách hàng	131	4.2	46.549.589.185	41.072.818.251
Trả trước cho người bán	132	4.3	651.304.129	12.792.905.870
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	364.552.238	303.312.490
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(926.467.995)	(926.467.995)
Hàng tồn kho	140	4.5	97.658.681.442	108.145.936.532
Hàng tồn kho	141		97.658.681.442	108.145.936.532
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.337.291.055	9.136.347.726
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	317.212.204	561.287.031
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.17	1.304.433.255	274.953.686
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.17	917.706.286	350.615.041
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	797.939.310	7.949.491.968

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BẢO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.186.059.031	99.758.956.862
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		130.196.639.668	95.610.493.717
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	127.644.754.849	92.773.433.961
Nguyên giá	222		278.458.331.872	237.273.197.422
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.813.577.023)	(144.499.763.461)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	2.551.884.819	2.697.706.809
Nguyên giá	225		2.916.439.794	2.916.439.794
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(364.554.975)	(218.732.985)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	-	139.352.947
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	1.013.323.200	819.991.800
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(958.676.800)	(1.152.008.200)
Tài sản dài hạn khác	260		4.976.096.163	3.328.471.345
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	4.623.153.163	2.975.528.345
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	4.13	352.943.000	352.943.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		286.981.075.983	275.906.120.608

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		124.370.276.607	116.877.355.393
Nợ ngắn hạn	310		101.656.589.979	100.972.647.996
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	53.594.651.859	50.373.182.469
Phải trả cho người bán	312	4.15	17.668.456.425	12.327.119.040
Người mua trả tiền trước	313	4.16	1.329.779.675	1.836.230.424
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.17	3.217.766.034	6.708.752.347
Phải trả công nhân viên	315	4.18	2.935.618.591	4.290.090.911
Chi phí phải trả	316	4.19	391.416.565	1.060.191.864
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	20.098.990.508	21.275.814.601
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.21	2.419.910.322	3.101.266.340
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		22.713.686.628	15.904.707.397
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.22	22.493.373.319	15.771.012.810
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.23	220.313.309	133.694.587
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.24	162.610.799.376	159.028.765.215
Vốn chủ sở hữu	410		162.610.799.376	159.028.765.215
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		103.395.200.000	103.395.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.080.701.449	24.080.701.449
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(317.124.000)	(317.124.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.739.774.805	12.733.605.949
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.696.602.023	6.659.948.434
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.015.645.099	12.476.433.383
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		286.981.075.983	275.906.120.608

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại	4.1	-	-
USD		1.382,13	207,43
EUR		0,34	0,34
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

VÕ NGỌC HUỖNH THU
 Kế toán trưởng



TRỊNH HỮU MINH
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

S. C. P.
 HAN
 I
 M
 T. MINH

S. C. P.
 HAN
 I
 M
 T. MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		176.657.154.596	173.989.804.946
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		37.222.800	1.833.155.180
Doanh thu thuần	10	5.1	176.619.931.796	172.156.649.766
Giá vốn hàng bán	11	5.2	145.749.568.716	144.549.809.751
Lợi nhuận gộp	20		30.870.363.080	27.606.840.015
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	463.076.549	970.000.403
Chi phí tài chính	22	5.4	3.252.322.491	3.556.772.006
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.892.950.173</i>	<i>3.530.953.343</i>
Chi phí bán hàng	24	5.5	5.000.335.191	3.954.919.710
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	4.478.737.041	4.767.484.483
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		18.602.044.906	16.297.664.219
Thu nhập khác	31	5.7	227.312.563	5.957.760
Chi phí khác	32		26.339.041	-
Lợi nhuận khác	40		200.973.522	5.957.760
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.803.018.428	16.303.621.979
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	4.700.754.607	4.075.905.495
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.9	86.618.722	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.015.645.099	12.227.716.484
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.358	1.185

VÕ NGỌC HUỖNH THU
 Kế toán trưởng



TRỊNH HỮU MINH
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

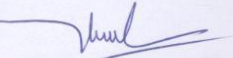
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	18.803.018.428	16.303.621.979
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.992.337.332	7.525.714.612
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(193.331.400)	(93.332.400)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	313.559.492	(202.510.157)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(648.751.568)	(299.913.355)
Chi phí lãi vay	06	2.892.950.173	3.530.953.343
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	29.159.782.457	26.764.534.022
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	16.607.008.515	772.402.145
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	10.487.255.090	19.189.023.028
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(8.658.004.358)	(4.513.142.758)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.225.867.061)	(2.517.485.902)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.502.502.222)	(3.530.953.343)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.706.804.476)	(2.011.832.137)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.272.535.700	20.350.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.632.427.353)	(9.469.409.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.800.976.292	24.703.485.292
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(42.025.982.899)	(2.302.287.229)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	200.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	448.751.568	299.913.355
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41.377.231.331)	(2.002.373.874)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	100.049.912.647	86.819.480.434
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.062.490.779)	(97.909.982.254)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(270.086.262)	(805.475.121)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.603.808.200)	(17.579.367.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.113.527.406	(29.475.344.341)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(2.462.727.633)	(6.774.232.923)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.622.340.872	12.900.105.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	483.659	(50.147)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	3.160.066.898	6.125.822.746


VÕ NGỌC HUỖNH THU'
Kế toán trưởng


TRINH HỮU MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại.
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty.
- In, tráng verni trên sắt lá.
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá.
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ).
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

Trong 6 tháng đầu năm 2013, hoạt động chính của Công ty là in, tráng verni trên sắt, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 327 người, trong đó số nhân viên quản lý là 25 người (30/06/2012: 353 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán (Tỷ giá: 21.150 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Khi cần thiết thì việc lập dự phòng được thực hiện cho hàng tồn kho bị giảm giá, lỗi thời, chậm luân chuyển và hư hỏng.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo hiểm nhà xưởng, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phụ tùng và chi phí nâng cấp nhà kho và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 24 đến 60 tháng tương ứng.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
Phương tiện vận tải	05 – 06 năm
Dụng cụ quản lý	05 năm

Trong năm 2013, Công ty đã phân loại lại những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 VND sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Những chi phí này sẽ được phân bổ trong 24 tháng.

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá tài sản thuê tài chính được ghi nhận bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Chính sách khấu hao tài sản thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị được khấu hao trong 10 năm.

4.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

4.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ những giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

4.12 Quỹ lương

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 4 năm 2013, mức chi quỹ lương toàn Công ty trong năm 2013 tối đa 10% doanh thu năm 2013.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính bằng 25% lợi nhuận thu được.

4.14 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Công ty sau đây được xem là bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản Công ty TNHH một thành viên	Nhà đầu tư

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt – VND	178.104.090	178.699.737
Tiền gửi ngân hàng – VND	2.952.725.103	5.439.290.849
Tiền gửi ngân hàng – USD	29.232.050	4.314.544
Tiền gửi ngân hàng – SGD	5.655	5.742
	<u>3.160.066.898</u>	<u>5.622.310.872</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng – USD	1.382,13	29.232.050
Tiền gửi ngân hàng – SGD	0,34	5.655

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số dư tiền gửi tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 1.505.017.465 VND và số dư tiền gửi này được thế chấp để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

4.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu thương mại – bên thứ ba	46.549.589.185	41.072.818.251
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(926.467.995)	(926.467.995)
Giá trị thuần	<u>45.623.121.190</u>	<u>40.146.350.256</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Phải thu khách hàng (tiếp theo)

Chi tiết khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

	Số dư dự phòng 01/01/2013	Trích lập dự phòng trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	Số dư dự phòng 30/06/2013
	VND	VND	VND	VND
Công ty CBTP XK Kiên Giang	223.874.352	-	-	223.874.352
XI nghiệp chế biến thực phẩm MEKO	371.723.100	-	-	371.723.100
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	330.870.543	-	-	330.870.543
	926.467.995	-	-	926.467.995

4.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước cho người bán – mua hàng hóa	602.246.029	104.971.910
Trả trước cho người bán – mua sắm tài sản	49.058.100	12.687.933.960
	651.304.129	12.792.905.870

4.4 Phải thu khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng tài sản thuê tài chính	180.415.801	206.282.131
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	86.090.688	97.030.359
Thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	98.045.749	-
	364.552.238	303.312.490

4.5 Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Hàng đang đi đường	4.981.338.733	4.616.489.072
Nguyên vật liệu tồn kho	79.614.424.797	86.408.425.740
Công cụ dụng cụ trong kho	162.945.061	238.513.661
Thành phẩm	7.516.602.069	10.594.257.059
Hàng hóa	5.383.370.782	6.288.251.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	97.658.681.442	108.145.936.532
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	97.658.681.442	108.145.936.532

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ dụng cụ	-	290.709.396
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	205.052.101	205.052.101
Chi phí sửa chữa phân xưởng	-	48.489.111
Chi phí khác	112.160.103	17.036.423
	317.212.204	561.287.031

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	262.700.000	125.600.000
Ký quỹ mua gas	36.958.000	36.958.000
Ký quỹ mở thư tín dụng mua sắm tài sản cố định	498.281.310	7.392.000.000
Ký quỹ mở thư tín dụng mua sắm phụ tùng	-	394.933.968
	797.939.310	7.949.491.968

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2013	9.745.836.205	222.414.277.202	4.290.265.606	555.386.666	267.431.743	237.273.197.422
Mua trong kỳ	-	947.275.000	412.687.500	105.029.092	-	1.464.991.592
Kết chuyển từ XDCBDD	-	41.430.527.568	-	-	-	41.430.527.568
Thanh lý	-	-	(390.427.856)	-	-	(390.427.856)
Phân loại lại	(154.719.655)	(626.397.938)	(110.743.747)	(428.095.514)	-	(1.319.956.854)
Số dư tại ngày 30/06/2013	9.591.116.550	264.165.681.832	4.201.781.503	232.320.244	267.431.743	278.458.331.872
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2013	8.739.042.137	131.969.822.990	3.045.520.835	477.945.756	267.431.743	144.499.763.461
Khấu hao trong kỳ	61.049.772	7.564.471.059	206.431.117	14.563.394	-	7.846.515.342
Thanh lý	-	-	(390.427.856)	-	-	(390.427.856)
Phân loại lại	(154.719.655)	(581.221.614)	(110.743.747)	(295.588.908)	-	(1.142.273.924)
Số dư tại ngày 30/06/2013	8.645.372.254	138.953.072.435	2.750.780.349	196.920.242	267.431.743	150.813.577.023
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2013	1.006.794.068	90.444.454.212	1.244.744.771	77.440.910	-	92.773.433.961
Tại ngày 30/06/2013	945.744.296	125.212.609.397	1.451.001.154	35.400.002	-	127.644.754.849
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng						
	8.370.121.095	84.595.515.983	1.380.701.832	173.320.244	267.431.743	94.787.090.897
Giá trị còn lại của TS thể chấp cho các khoản vay						
	-	66.682.896.391	-	-	-	66.682.896.391

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.916.439.794	2.916.439.794
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2013	<u>2.916.439.794</u>	<u>2.916.439.794</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2013	218.732.985	218.732.985
Khấu hao trong kỳ	145.821.990	145.821.990
Số dư tại ngày 30/06/2013	<u>364.554.975</u>	<u>364.554.975</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	2.697.706.809	2.697.706.809
Tại ngày 30/06/2013	<u>2.551.884.819</u>	<u>2.551.884.819</u>

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2013 VND	Tăng trong kỳ VND	Kết chuyển tăng TSCĐ VND	30/06/2013 VND
Máy đóng gói lộn kim loại	6.124.834	2.385.613.494	(2.391.738.328)	-
Dây chuyền sản xuất lon 2 mảnh	102.071.501	20.707.977.152	(20.810.048.653)	-
Máy sản xuất thân lon kim loại	30.069.389	13.205.722.460	(13.235.791.849)	-
Máy sản xuất thân lon kim loại	1.087.223	4.991.861.515	(4.992.948.738)	-
	<u>139.352.947</u>	<u>41.291.174.621</u>	<u>(41.430.527.568)</u>	<u>-</u>

4.11 Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Cổ phiếu Công ty CP Càng Rau quả (chiếm 0,79% vốn điều lệ của Công ty này)	1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá cổ phiếu	(958.676.800)	(1.152.008.200)
	<u>1.013.323.200</u>	<u>819.991.800</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, số lượng cổ phiếu của Công ty CP Càng Rau Quả mà Công ty nắm giữ là 66.666 cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.12 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí mở rộng, sửa chữa phân xưởng	2.492.466.062	915.146.234
Chi phí công cụ dụng cụ	2.130.687.101	2.060.382.111
	<u>4.623.153.163</u>	<u>2.975.528.345</u>

4.13 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Ký quỹ thuê tài chính	342.943.000	342.943.000
Ký quỹ sử dụng thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
	<u>352.943.000</u>	<u>352.943.000</u>

Khoản ký quỹ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000 giữa Công ty và Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư ký quỹ thuê tài chính tương đương 10% giá mua (dự kiến) của tài sản thuê.

4.14 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn		
• Ngân hàng BIDV	(a) 27.690.000.297	14.703.642.321
• Ngân hàng HSBC	(b) 11.718.143.225	13.359.985.184
• Ngân hàng ANZ	(c) 894.444.314	2.275.066.781
• Cán bộ công nhân viên Công ty	-	4.363.651.532
Nợ dài hạn đến hạn trả	(d) 13.292.064.023	15.670.836.651
	<u>53.594.651.859</u>	<u>50.373.182.469</u>

(a) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (BIDV) là 27.690.000.297 VND theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29/2013/94178 ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Phụ lục hợp đồng số PL.01-29/2013/94178 tháng 7 năm 2013, với hạn mức tín dụng là 55 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Lãi suất vay hiện hành 7,5% - 8,5%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp các tài sản hình thành từ các khoản vay trung và dài hạn và toàn bộ số dư các khoản phải thu và số dư tiền gửi tại Ngân hàng này.

(b) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là 11.718.143.225 VND theo thư cung cấp tiện ích số VNM07 120302 ngày 09 tháng 4 năm 2012 với hạn mức là 2.000.000,00 USD hoặc tương đương bằng VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất vay hiện hành là 7,5% - 7,8%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp giá trị hàng tồn kho tại kho trị giá 2.000.000,00 USD và tất cả các khoản phải thu của Công ty trị giá 1.600.000,00 USD.

Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(c) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 894.444.314 VND theo thư tiện ích ngân hàng ngày 23 tháng 4 năm 2012 với hạn mức 1.000.000,00 USD để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất hiện hành 9,5%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị ít nhất 1.000.000,00 USD.

(d) Xem thuyết minh 4.22.

4.15 Phải trả người bán

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán bên thứ ba – trong nước	7.676.260.749	3.753.840.572
Phải trả người bán bên thứ ba – nước ngoài	9.992.195.676	8.573.278.468
	<u>17.668.456.425</u>	<u>12.327.119.040</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư gốc ngoại tệ của khoản phải trả người bán là 472.444,24 USD tương đương 9.992.195.676 VND.

4.16 Người mua trả tiền trước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	1.329.779.675	1.836.230.424
	<u>1.329.779.675</u>	<u>1.836.230.424</u>

4.17 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	1.304.433.255	274.953.686

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền thuế đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	917.706.286	350.615.041
	<u>917.706.286</u>	<u>350.615.041</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.779.156.619
Thuế nhập khẩu	320.293.728	69.015.733
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.853.035.715	4.859.085.584
Thuế thu nhập cá nhân	44.436.591	1.494.411
	3.217.766.034	6.708.752.347
4.18 Phải trả công nhân viên	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Lương phải trả	1.639.752.667	2.140.090.911
Trích trước quỹ lương	1.295.865.924	2.150.000.000
	2.935.618.591	4.290.090.911
4.19 Chi phí phải trả	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	34.196.723	979.691.864
Chi phí lãi vay	357.219.842	-
Chi phí khác	-	80.500.000
	391.416.565	1.060.191.864
4.20 Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	138.386.166	37.002.996
Nhận ký quỹ mua hàng	16.420.428.971	17.355.215.522
Cổ tức phải trả	3.504.601.047	3.851.770.847
Các khoản phải trả khác	35.574.324	31.825.236
	20.098.990.508	21.275.814.601
4.21 Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu kỳ	3.101.266.340	427.777.274
Trích lập trong kỳ	1.950.982.056	4.901.356.136
Tặng khác	160.000.160	-
Chi trong kỳ	(2.792.338.234)	(2.227.867.070)
Số dư cuối kỳ	2.419.910.322	3.101.266.340

Quỹ khen thưởng và phúc lợi của Công ty bao gồm quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.22 Vay và nợ dài hạn

		30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn			
• Ngân hàng BIDV	(a)	22.786.726.533	29.287.930.790
• Ngân hàng HSBC	(b)	11.114.878.400	-
Nợ dài hạn	(c)	1.883.832.409	2.153.918.671
Nợ dài hạn đến hạn trả		(13.292.064.023)	(15.670.836.651)
		22.493.373.319	15.771.012.810

(a) Số dư các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 647.126,55 USD tương đương 13.686.726.533 VND và 9.100.000.000 VND với thời hạn vay theo các hợp đồng từ 60 tháng đến 72 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư các dự án của Công ty với lãi suất vay trong năm 2013 là 7,0%/năm (vay bằng USD) và 14,0%/năm (vay bằng VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 45.872.847.738 VND.

(b) Số dư các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với số tiền là 11.114.878.400 VND theo thư cung cấp tiện ích số VNM120292CM ngày 13 tháng 3 năm 2012 và Hợp đồng tín dụng – Bản sửa đổi thứ hai số VNM 130309CM ngày 02 tháng 4 năm 2013 với thời hạn vay là 54 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư các dự án của Công ty. Lãi suất vay hiện hành là 13,0%/năm (vay bằng VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 20.810.048.653 VND.

(c) Đây là khoản thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000, giá mua là 3.207.637.666 VND với thời hạn thuê là 48 tháng. Lãi suất thuê là 17,0%/năm, trong đó lãi suất cơ bản là 14,0%/năm và lãi suất chỉ định là 3,0%/năm, lãi suất cơ bản có thể được điều chỉnh trong thời gian thuê. Trong năm 2013, lãi suất thuê hiện hành là 11,8%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 1% giá mua.

Chi tiết số dư vay và nợ dài hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2013:

Ngân hàng	Nợ gốc vay vào ngày 30/06/2013		Nợ dài hạn đến hạn trả		Số dư vay và nợ dài hạn vào ngày 30/06/2013	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	647.126,55	13.686.726.533	(412.371,55)	(8.721.658.283)	234.755,00	4.965.068.250
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)		9.100.000.000		(2.000.000.000)		7.100.000.000
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam		11.114.878.400		(1.961.449.131)		9.153.429.269
		1.883.832.409		(608.956.609)		1.274.875.800
		35.785.437.342		(13.292.064.023)		22.493.373.319

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.23 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế hoãn lại phải trả đối với các khoản chi phí:		
• Chi phí công cụ, dụng cụ	205.881.753	128.206.487
• Chi phí xây dựng và mở rộng phân xưởng	14.431.556	5.488.100
	<u>220.313.309</u>	<u>133.694.587</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.24 Vốn chủ sở hữu và các quỹ

4.24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	7.854.482.030	4.935.545.979	30.025.033.092	169.973.838.550
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	20.733.071.783	20.733.071.783
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	4.879.123.919	1.724.402.455	(6.603.526.374)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.570.767.118)	(5.570.767.118)
Chia cổ tức năm 2011 đợt 2	-	-	-	-	-	(17.850.739.600)	(17.850.739.600)
Chia cổ tức năm 2012 đợt 1	-	-	-	-	-	(8.256.638.400)	(8.256.638.400)
Số dư tại ngày 31/12/2012	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	12.733.605.949	6.659.948.434	12.476.433.383	159.028.765.215
Số dư tại ngày 01/01/2013	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	12.733.605.949	6.659.948.434	12.476.433.383	159.028.765.215
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	14.015.645.099	14.015.645.099
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	1.006.168.856	1.036.653.589	(2.042.822.445)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.176.972.538)	(2.176.972.538)
Chia cổ tức năm 2012 đợt 2	-	-	-	-	-	(8.256.638.400)	(8.256.638.400)
Số dư tại ngày 30/06/2013	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	13.739.774.805	7.696.602.023	14.015.645.099	162.610.799.376

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

4.24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	103.395.200.000	103.395.200.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	103.395.200.000	103.395.200.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(187.220.000)	(187.220.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
(cổ phiếu đang lưu hành)	103.207.980.000	103.207.980.000
Đã chi trả cổ tức bằng tiền	8.603.808.200	22.439.978.400

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 4 năm 2013, cổ tức năm 2012 được chia theo tỷ lệ 16%/ vốn điều lệ.

4.24.3 Cổ phiếu phổ thông

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.651.318	10.651.318
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.339.520	10.339.520
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(18.722)	(18.722)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.320.798	10.320.798
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND	10.000 VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu trong nước		
• Doanh thu thành phẩm, hàng hóa	112.107.652.655	113.855.846.389
• Doanh thu gia công	47.893.872.360	43.172.083.255
• Doanh thu khác	15.626.976.081	15.325.464.637
Doanh thu xuất khẩu	1.028.653.500	1.636.410.665
Tổng doanh thu	176.657.154.596	173.989.804.946
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(37.222.800)	(1.833.155.180)
Doanh thu thuần	176.619.931.796	172.156.649.766

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn – thành phẩm, hàng hóa	93.888.949.344	97.085.513.292
Giá vốn – gia công	36.291.253.001	33.902.190.238
Giá vốn khác	15.569.366.371	13.562.106.221
	145.749.568.716	144.549.809.751

Chi tiết giá vốn theo yếu tố:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	117.951.490.742	115.780.511.757
Chi phí nhân công	12.268.242.237	13.008.244.955
Chi phí vật liệu	138.654.583	821.287.140
Chi phí dụng cụ sản xuất	4.520.561.261	5.214.719.571
Chi phí khấu hao	7.786.301.496	7.309.530.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.629.593	223.242.968
Chi phí bằng tiền khác	2.900.688.804	2.192.273.258
	145.749.568.716	144.549.809.751

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	395.418.768	233.247.355
Cổ tức nhận được	53.332.800	66.666.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.324.981	437.646.009
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	232.441.039
	463.076.549	970.000.403

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí lãi vay	2.892.950.173	3.530.953.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	239.144.226	89.220.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	313.559.492	29.930.882
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(193.331.400)	(93.332.400)
	3.252.322.491	3.556.772.006

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

5.5 Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	2.723.572.234	2.206.312.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.363.754	107.363.754
Chi phí nhiên liệu	547.105.666	354.245.471
Chi phí hoa hồng	714.882.390	644.179.955
Chi phí vận chuyển	760.619.873	534.576.764
Chi phí khác	146.791.274	108.241.346
	5.000.335.191	3.954.919.710
5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.542.312.804	2.848.062.446
Chi phí vật dụng văn phòng	162.638.868	84.694.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.298.002	40.446.676
Tiền thuê đất	642.574.380	604.832.817
Chi phí dự phòng	-	132.106.953
Chi phí khác	1.100.912.987	1.057.340.647
	4.478.737.041	4.767.484.483
5.7 Thu nhập khác	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	200.000.000	-
Thu bồi thường sắt	27.312.480	-
Thu nhập khác	83	5.957.760
	227.312.563	5.957.760
5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.803.018.428	16.303.621.979
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	18.803.018.428	16.303.621.979
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.700.754.607	4.075.905.495

4489
 ĐỒNG
 YHIỆM
 M T O
 VIỆT
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

5.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các khoản chi phí:		
• Chi phí công cụ, dụng cụ	77.675.266	-
• Chi phí xây dựng trạm xử lý nước thải và mở rộng phân xưởng	8.943.456	-
	<u>86.618.722</u>	<u>-</u>

5.10 Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và bao bì	120.675.062.976	117.986.824.177
Chi phí nhân viên	14.810.555.041	15.856.307.401
Chi phí vật liệu, dụng cụ văn phòng	301.293.451	905.982.084
Chi phí dụng cụ sản xuất	4.520.561.261	5.214.719.571
Chi phí khấu hao	7.923.963.252	7.457.340.532
Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	642.574.380	604.832.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.491.355.132	1.756.245.158
Chi phí khác	4.863.275.455	3.489.962.204
	<u>155.228.640.948</u>	<u>153.272.213.944</u>

5.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	14.015.645.099	12.227.716.484
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.015.645.099	12.227.716.484
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.320.798 CP	10.320.798 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.358 VND/CP</u>	<u>1.185 VND/CP</u>

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Tuy nhiên do Công ty chỉ có hoạt động sản xuất bao bì bằng kim loại nên báo cáo bộ phận được lập theo khu vực địa lý.

Hoạt động của Công ty được phân bổ trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu thuần – nội địa	175.591.278.296	170.520.239.101
Doanh thu thuần – xuất khẩu	1.028.653.500	1.636.410.665
	176.619.931.796	172.156.649.766

Chúng tôi không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty bao gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận chưa phân phối).

Các công cụ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty có các tài sản tài chính như: các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
<i>Phải thu khách hàng</i>	46.549.589.185	41.072.818.251	45.623.121.190	40.146.350.256
<i>Trả trước cho người bán</i>	651.304.129	12.792.905.870	651.304.129	12.792.905.870
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	3.160.066.898	5.622.310.872	3.160.066.898	5.622.310.872
<i>Đầu tư dài hạn</i>	1.972.000.000	1.972.000.000	1.013.323.200	819.991.800
Tổng cộng	52.332.960.212	61.460.034.993	50.447.815.417	59.381.558.798
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	76.088.025.178	66.144.195.279	76.088.025.178	66.144.195.279
<i>Phải trả người bán</i>	17.668.456.425	12.327.119.040	17.668.456.425	12.327.119.040
<i>Người mua trả tiền trước</i>	1.329.779.675	1.836.230.424	1.329.779.675	1.836.230.424
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả</i>	20.352.020.907	22.299.003.469	20.352.020.907	22.299.003.469
Tổng cộng	115.438.282.185	102.606.548.212	115.438.282.185	102.606.548.212

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành cũng như quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn rủi ro của mình.

Rủi ro tỷ giá: là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ tài chính như sau:

	Nợ phải trả		Tài sản	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
USD	(1.138.320,58)	(2.076.705,36)	21.692,53	604.733,13
SGD	-	16.800,00	0,34	0,34

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài và công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời gian dự kiến thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Vào ngày 30/06/2013			
Vay và nợ	51.633.202.728	24.454.822.450	76.088.025.178
Phải trả người bán	17.668.456.425	-	17.668.456.425
Người mua trả tiền trước	1.329.779.675	-	1.329.779.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	20.352.020.907	-	20.352.020.907
	90.983.459.735	24.454.822.450	115.438.282.185
Vào ngày 31/12/2012			
Vay và nợ	50.373.182.469	15.771.012.810	66.144.195.279
Phải trả người bán	12.327.119.040	-	12.327.119.040
Người mua trả tiền trước	1.836.230.424	-	1.836.230.424
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	22.299.003.469	-	22.299.003.469
	86.835.535.402	15.771.012.810	102.606.548.212

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn đáo hạn của các tài sản tài chính phi phải sinh của Công ty dựa trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản tài chính.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Vào ngày 30/06/2013			
Phải thu khách hàng	45.623.121.190	-	45.623.121.190
Trả trước cho người bán	651.304.129	-	651.304.129
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.160.066.898	-	3.160.066.898
Đầu tư dài hạn	-	1.013.323.200	1.013.323.200
	49.434.492.217	1.013.323.200	50.447.815.417
Vào ngày 31/12/2012			
Phải thu khách hàng	40.146.350.256	-	40.146.350.256
Trả trước cho người bán	12.792.905.870	-	12.792.905.870
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.622.310.872	-	5.622.310.872
Đầu tư dài hạn	-	819.991.800	819.991.800
	58.561.566.998	819.991.800	59.381.558.798

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn khi cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp tất cả các khoản phải thu, hàng tồn kho và máy móc thiết bị của mình cho các khoản vay (Xem 4.14 và 4.22).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 16.420.428.971 VND và vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 17.355.215.522 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lương trả cho Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	460.000.000	595.200.000
Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	279.443.077	742.917.230
	739.443.077	1.338.117.230

8.2 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên	Chia cổ tức	3.652.588.000	9.074.093.600

Số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên	Cổ tức phải trả	2.946.752.800	3.299.670.400

8.3 Các cam kết

Cam kết mua máy móc thiết bị

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký kết hợp đồng mua sắm máy móc thiết bị như sau:

Nhà cung cấp	Hợp đồng Số Ngày	Giá trị hợp đồng VND	Số tiền đã ứng trước VND	Số tiền còn phải thanh toán VND
Công ty CP Kỹ Thuật và Ô tô Trường Long	258/2013/HĐMB-TL 26/06/2013	1.398.741.000	139.874.100	1.258.866.900

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Cam kết mua nguyên vật liệu

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp như sau:

Nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu	Số	Hợp đồng		Giá trị hợp đồng	
			Ngày	Nguyên tệ	Giá trị	
Sumitomo Corporation	Sắt	KJHE13-8603/8604	22/04/2013	USD	210.000,00	
EAH (Shanghai) International Trading Co Ltd	Sắt	BY1304001VM	09/04/2013	USD	84.326,00	
Sumitomo Corporation	Sắt	KJHE13-8605	26/04/2013	USD	26.250,00	
Viking Industrial Corporation	Sắt	3S/0098	29/05/2013	USD	133.770,00	
Viking Industrial Corporation	Sắt	3S/0099	29/05/2013	USD	163.790,00	
Baosteel Singapore Pte. Ltd.	Sắt	BS-TD4B536	30/05/2013	USD	123.720,00	
Baosteel Singapore Pte. Ltd.	Sắt	BS-TD4BC46	30/05/2013	USD	58.500,00	
Sumitomo Corporation	Sắt	FZ13S-00399P	31/05/2013	USD	48.750,00	
Sumitomo Corporation	Sắt	KJHE13-8606	07/06/2013	USD	52.250,00	
Kyodo Co Inc Importers & Exporters	Sắt	17-06/MPC-KYODO/13	17/06/2013	USD	73.709,19	
Viking Industrial Corporation	Sắt	3S/0079	08/05/2013	USD	113.150,80	
W.R Grace Singapore Pte Ltd	Hóa chất	21-06PH/MC-GRACE	21/06/2013	USD	62.200,00	
Baosteel Singapore Pte. Ltd.	Sắt	BS-TD4B549	18/06/2013	USD	83.280,00	
Kyodo Co Inc Importers & Exporters	Sắt	21-06/MC-KYODO/13	21/06/2013	USD	55.580,70	
					1.289.276,69	

8.4 Thông tin so sánh

	Thuyết minh	Số dư 01/01/2013 sau phân loại VND	Số dư 31/12/2012 trước phân loại VND	Số tiền VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.20	21.275.814.601	21.273.874.328	1.940.273
Quý khen thưởng và phúc lợi	4.21	3.101.266.340	3.103.206.613	(1.940.273)

Trình bày lại quý khuyến mãi khách hàng sang các khoản phải trả, phải nộp khác.

VÕ NGỌC HUỖNH THU
Kế toán trưởng



TRỊNH HỮU MINH
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013